

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 389/QĐ-ĐHHD ngày 07/ 7/2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục thể chất
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Physical Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140206
Khoa quản lý chương trình:	Khoa Nhạc - Họa - Thể dục
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	125
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 125 tín chỉ;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;</li><li>- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh.</li></ul>
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giảng dạy môn Giáo dục thể chất tại các trường phổ thông;</li><li>- Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục;</li><li>- Làm chuyên viên ở các viện nghiên cứu (Viện Khoa học thể dục thể thao,...);</li><li>- Giảng dạy Giáo dục thể chất tại các trường Cao đẳng, Đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.</li></ul>

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục thể chất Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội;</li> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;</li> <li>- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục thể chất Trường Đại học Văn hóa - Thể thao và Du lịch.</li> </ul>

### **CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;

- Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

## **1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng nhu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn thể dục trong các trường ở bậc học phổ thông, hoặc làm công tác quản lý phong trào Thể dục thể thao (viết tắt: TDTT) ở các Sở, Ngành, các đơn vị TDTT cơ sở tại các địa phương; có năng lực đảm đương công tác giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực TDTT và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong các trường ở bậc học phổ thông về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tiếp tục học tập lên các bậc học cao hơn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học Giáo dục thể chất và các kiến thức liên ngành

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, phương pháp dạy học Giáo dục thể chất

PO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục.

PO4: Sử dụng thành thạo các kỹ năng dạy học Giáo dục thể chất: lập kế hoạch dạy học Giáo dục thể chất, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Giáo dục thể chất, kiểm tra đánh giá năng lực Giáo dục thể chất của học sinh.

PO5: Có năng lực phát triển chương trình Giáo dục thể chất, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO6: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học Giáo dục thể chất.

PO7: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học Giáo dục thể chất.

PO8: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt.

PO11: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1.1. Về kiến thức**

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện, hệ thống kiến thức ngành, nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất để lập luận phân tích và dạy học Giáo dục thể chất, giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Giáo dục thể chất; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

#### **2.1.2. Về kĩ năng**

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về Giáo dục thể chất cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Giáo dục thể chất ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Giáo dục thể chất và trong cuộc sống.

### 2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

## 2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp / Môi trường làm việc	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Phóng viên, biên tập viên	Giảng viên	Cán bộ huấn luyện viên
Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	0	0	0
Cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0
Các cơ sở nghiên cứu Thể thao	2	2	2	0	0	2
Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	2	0

Lĩnh vực Báo chí chuyên ngành	1	1	1	2	0	1
Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	1	2	2	1	0	0

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

### 2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Giáo dục thể chất tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành: Quản lý thể thao, Tâm lý học thể thao, Sinh học thể thao, Y sinh học thể thao,... ở các cơ sở đào tạo trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

### \* MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Tích “X” vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1 (KT)	X	X									
PLO2 (KT)	X	X									
PLO3 (KT)	X	X									
PLO4 (KT)	X	X									
PLO5 (KT)	X	X									
PLO6 (KT)	X	X									
PLO7 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO8 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO9 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO10 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO11 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO12 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO13 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO14 (MĐTC&TN))									X	X	X
PL015 (MĐTC&TN)									X	X	X
PL016 (MĐTC&TN)									X	X	X
Tổng	6	6	7	7	7	7	7	7	3	3	3

### 3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

#### **4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học có khối lượng học tập là 125 tín chỉ, cộng với khối lượng Giáo dục Quốc phòng - An ninh theo quy định hiện hành.

#### **5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

##### **5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học gồm 125 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19,2%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 101 tín chỉ, có tỉ lệ 80,8%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (30 tín chỉ: 26 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 24% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (52 tín chỉ: 48 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 41,6% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (12 tín chỉ; chiếm 11,88% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 6,93% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)		24 tín chỉ

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		101 tín chỉ
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		30 tín chỉ
	+ Bắt buộc	26 tín chỉ
	+ Tự chọn	4 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		52 tín chỉ
	+ Bắt buộc	48 tín chỉ
	+ Tự chọn	4 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm		12 tín chỉ
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế		7 tín chỉ
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>125 tín chỉ</b>

## 5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

### 5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP - AN)			24				
Lí luận chính trị			11				
1	PLO001	Triết học Mác - Lênin	3	32	26	92	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21	18	61	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	
Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	ME006	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		37	8		
7	ME007	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		22	8		
8	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16		
9	ME009	Giáo dục quốc phòng		4	56		



		- an ninh 4					
Ngoại ngữ			7				
10	EN01	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
11	EN02	Tiếng Anh 2	4	45	30	125	
Khoa học Tự nhiên			2				
12	IT013	Tin học đại cương	2	15	30	55	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			4				
13	PSY013	Pháp luật đại cương	2	21	18	61	
14	EDU014	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	18	61	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			101				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			30				
Các học phần bắt buộc			26				
15	PSE115	Tâm lí học	3	30	30	90	
16	PSE116	Giáo dục học	3	30	30	90	
17	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	20	60	
18	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	55	
19	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	30	30	90	
20	PHYE120	Sinh lí học thể dục thể thao	3	30	30	90	
21	PHYE121	Sinh hóa học thể dục thể thao	3	30	30	90	
22	PHYE122	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	30	30	90	
23	PHYE123	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	2	20	20	60	
24	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	20	20	60	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4				
25.1	PHYE325.1	Vệ sinh y học thể dục thể thao	2	20	20	60	
25.2	EDU325.2	Giáo dục môi trường	2	20	20	60	
25.3	PSE325.3	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
25.4	PHYE325.4	Quản lí thể dục thể thao	2	20	20	60	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			52				
Các học phần bắt buộc			36				
26	MSP226	Phương pháp giảng dạy Điện kinh 1	4	12	108	80	

		(Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)					
27	MSP227	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	12	108	80	
28	MSP228	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	3	30	30	60	
29	MSP229	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	12	108	80	
30	MSP2230	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	9	81	60	
31	MSP231	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	3	9	81	60	
32	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	9	81	60	
33	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	9	81	60	
34	MSP234	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	9	81	60	
35	MSP235	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	9	81	60	
36	MSP236	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	9	81	60	
Các học phần chuyên sâu (Chọn 01 trong 06 phân môn sau: Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Võ thuật - học trong 4 kì)			12				
37.1	PHYE237.1	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	3	9	81	60	
37.2	PHYE237.2	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	3	9	81	60	
37.3	PHYE237.3	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	3	9	81	60	
37.4	PHYE237.4	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	3	9	81	60	
38.1	PHYE238.1	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	3	9	81	60	
38.2	PHYE238.2	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	3	9	81	60	
38.3	PHYE238.3	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	3	9	81	60	
38.4	PHYE238.4	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	3	9	81	60	
39.1	PHYE239.1	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	3	9	81	60	

39.2	PHYE239.2	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	3	9	81	60	
39.3	PHYE239.3	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	3	9	81	60	
39.4	PHYE239.4	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	3	9	81	60	
40.1	PHYE240.1	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	3	9	81	60	
40.2	PHYE240.2	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	3	9	81	60	
41.3	PHYE240.3	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	3	9	81	60	
40.4	PHYE240.4	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	3	9	81	60	
41.1	PHYE241.1	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	3	9	81	60	
41.2	PHYE241.2	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	3	9	81	60	
41.3	PHYE241.3	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	3	9	81	60	
41.4	PHYE241.4	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	3	9	81	60	
42.1	PHYE242.1	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	3	9	81	60	
42.2	PHYE242.2	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	3	9	81	60	
42.3	PHYE242.3	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	3	9	81	60	
42.4	PHYE242.4	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	3	9	81	60	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4				
43.1	MSP343.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	6	48	56	
43.2	MSP343.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	6	48	56	
43.3	MSP343.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	6	48	56	
43.4	MSP343.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	6	48	56	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			12				
44	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	55	
45	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	55	
46	TMT246	Thực tập sư phạm 1	2		120		
47	TMT247	Thực tập sư phạm 2	6		360		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			7				

Khóa luận tốt nghiệp			7				
48A	LIT448A	Khóa luận tốt nghiệp	7				
Học phân thay thế			7				
48B.1	LIT448B.1	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	50	20	130	
48B.2	LIN48B.2	Sinh lí học thể dục thể thao	3	30	30	90	
Tổng cộng			125				

5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	Kiến thức						Kĩ năng						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	0	0	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tâm lí học	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0
Giáo dục học	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Giải phẫu học thể dục thể	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3

thao													
Sinh lí học thể dục thể thao	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3
Sinh hóa thể dục thể thao	1	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3
Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3
Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3
Thống kê và đo lường thể dục thể thao	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3
Vệ sinh y học thể dục thể thao	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3
Giáo dục môi trường	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3
Giao tiếp sư phạm	0	1	3	3	3	2	3	2	1	3	2	2	3
Quản lí thể dục thể thao	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0
Phương pháp giảng	2	1	0	0	0	0	1	0	0	2	1	0	0

dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)													
Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	0	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0
Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	0	0	3	3	3	1	2	2	1	3	3	3	3
Phương pháp giảng dạy Thể dục	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Phương pháp giảng dạy Bóng đá	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Phương pháp	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3

giảng dạy Bóng bàn													
Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Phương pháp giảng dạy Cầu lông	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3
Phương pháp giảng dạy Võ thuật	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3
Phương pháp giảng dạy Aerobic	1	1	3	3	2	2	1	1	0	3	2	1	3
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	0	1	3	2	3	1	2	2	1	2	3	2	3
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	0	1	3	3	3	2	3	2	1	2	3	3	3
Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3
Thể thao chuyên	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3



sâu Bóng đá 4													
Thế thao chuyên sâu Bóng chuyên 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thế thao chuyên sâu Bóng chuyên 2	1	1	3	3	3	2	2	3	0	2	2	3	3
Thế thao chuyên sâu Bóng chuyên 3	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thế thao chuyên sâu Bóng chuyên 4	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thế thao chuyên sâu Bóng rổ 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thế thao chuyên sâu Bóng rổ 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thế thao chuyên	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2

sâu Bóng rổ 3													
Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	1	1	3	3	3	1	1	0	0	2	2	1	2
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	0	1	3	3	3	2	3	3	1	3	3	3	3
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	2	3
Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	1	1	3	3	3	2	3	2	1	2	2	3	3
Thể thao chuyên sâu Cầu	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2

lông 3													
Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Phương pháp giảng dạy Cờ	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2

vua													
Nghiệp vụ sư phạm 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Nghiệp vụ sư phạm 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2
Thực tập sư phạm 1	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2
Thực tập sư phạm 2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2
Khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2
Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	0	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	2	3
Sinh lí học thể dục thể thao	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)

### 5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 18 tín chỉ, học kì 2 là 17 tín chỉ, học kì 3 với 16 tín chỉ, học kì 4 là 12 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 14 tín chỉ, học kì 7 với 15 tín chỉ, học kì 8 là 16 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kì I			18	
Bắt buộc			18	
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	
2	EN01	Tiếng Anh 1	3	

3	PSE115	Tâm lí học	3	
4	PHYE237.1- PHYE242.1	Thể thao chuyên sâu 1	3	
5	MSP226	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1 ( Chạy trung bình, ngắn, tiếp , nhảy xa)	4	
6	IT013	Tin học đại cương	2	
Kì II			17	
Bắt buộc			17	
1	PLO002	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	
2	PSE116	Giáo dục học	3	
3	PHYE237.2- PHYE242.2	Thể thao chuyên sâu 2	3	
4	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	
5	PHYE123	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	2	
6	MSP227	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	
Kì III			16	
Bắt buộc			14	
1	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	EN013	Tiếng Anh 2	4	
3	PHYE237.3- PHYE242.3	Thể thao chuyên sâu 3	3	
4	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	
5	MSP228	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn – Đội	3	
Tự chọn			2	
6.1	PHYE325.1	Vệ sinh Y học Thể dục thể thao	2	
6.2	EDU325.2	Giáo dục môi trường	2	
6.3	PSE325.3	Giao tiếp sư phạm	2	

	PHYE325.4	Quản lý thể dục thể thao	2	
Kì IV			12	
Bắt buộc			12	
1	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	PSY013	Pháp luật đại cương	2	
3	PHYE237.4- PHYE242.4	Thể thao chuyên sâu 4	3	
4	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
5	MSP236	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	
Kì V			17	
Bắt buộc			17	
1	PO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	MSP229	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	
3	MSP230	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	
4	MSP231	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	3	
5	PHYE120	Sinh lý học thể dục thể thao	3	
6	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	
Kì VI			14	
Bắt buộc			9	
1	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	
2	MSP234	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	
3	TMT246	Thực tập sư phạm 1	2	
Tự chọn . ( chọn 3 trong các học phần)			6	
4.1	MSP343.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	
4.2	MSP343.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	
4.3	MSP343.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	
4.4	MSP343.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua		
Kì VII			15	
Bắt buộc			15	
1	EDU014	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành	2	

		GDĐT		
2	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	
3	MSP235	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	
4	PHYE121	Sinh hóa thể dục thể thao	3	
5	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	
6	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
Kì VIII				
Bắt buộc			16	
1	PHYE122	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	
2	TMT247	Thực tập sư phạm 2	6	
3	LIT448A	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Thay thế khóa luận tốt nghiệp			7	
3.1.1	LIT448B.1	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	
3.1.2	LIN448B.2	Sinh lý học thể dục thể thao	3	

#### 5.2.4. Mô tả học phần

##### 1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

## 2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

## 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

## 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

## 5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)



Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### 6. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

#### 7. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

#### 8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

#### 9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

#### 10. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

#### 11. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

#### 12. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

### 13. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

### 14. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

### 15. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

### 16. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong

phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

#### 17. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiến trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam); chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: ăn, ở, mặc...; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân Thiện Mỹ. Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

#### 18. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

#### 19. GIẢI PHẪU HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lý diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lý trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

#### 20. SINH LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và

những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lí học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

### 21. SINH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; diễn biến các quá trình sinh hoá xảy ra trong cơ thể người khi thực hiện các bài tập TDTT. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong tập luyện và thi đấu TDTT nói riêng và công tác giáo dục thể chất và TDTT nói chung.

### 22. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kĩ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

### 23. LỊCH SỬ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục thể chất như khái niệm, vai trò của giáo dục thể chất, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kĩ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong giáo dục thể chất.

Phần lịch sử TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về nguồn gốc và lịch sử phát triển TDTT trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.

### 24. THỐNG KÊ VÀ ĐO LƯỜNG THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Thống kê và đo lường thể dục thể thao là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục thể chất và Quản lí Thể dục thể thao. Học phần trang bị và bổ sung cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp thống kê trong TDTT: cách trình bày số liệu; lí luận cơ bản về thống kê mô tả, các tham số đặc trưng, ước lượng các giá trị trung bình, so sánh các tham số đặc trưng hay kiểm định, so sánh hai hay nhiều phương pháp huấn luyện, phương pháp giảng dạy; phân tích tương quan, hồi quy giữa các đặc tính. Học phần còn cung cấp kiến thức cơ bản về xử lí số liệu của phép đo; đo lường trong TDTT; Cơ sở lí thuyết của TEST và lí thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, phương pháp đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên, của nhân dân; xác định tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên cũng như đánh giá

thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện, thi đấu, các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng.

#### 25.1. VỆ SINH Y HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDTT.

#### 25.2. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

#### 25.3. GIAO TIẾP SƯ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lý tình huống sư phạm...

#### 25.4. QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Quản lý thể dục thể thao là học phần cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý nhà nước và quản lý xã hội ở Việt Nam; quản lý thể dục thể thao; phương pháp quản lý; hoạt động quản lý; chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong trường học các cấp.

## 26. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐIỀN KINH 1 (CHẠY TRUNG BÌNH, NGẮN, TIẾP, NHẢY XA) (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

## 27. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐIỀN KINH 2 (NHẢY CAO, NÉM BÓNG, ĐẨY TẠ) (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực chung. Môn điền kinh 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điền kinh.

## 28. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÔNG TÁC ĐOÀN - ĐỘI (3 tín chỉ)

Học phần phương pháp giảng dạy công tác Đoàn – Đội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm hỗ trợ phát triển thân thể. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn – Đội như: Lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, tính chất và nhiệm vụ, hệ thống tổ chức; các nghi thức, đội hình đội ngũ; Những hoạt động nghiệp vụ của Đoàn - Đội; Hoạt động ngoài giờ lên lớp; nguồn gốc trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục; Biết tổ chức, sáng tác trò chơi vận động.

## 29. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THỂ DỤC (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

### 30. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

### 31. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung học phần được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyền bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay và nhảy phát. Thông qua học phần đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đấu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điển hình ở Việt Nam và thực hành rèn luyện kỹ năng đập bóng.

### 32. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử học phần, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu học phần, phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu.

Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

### 33. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném



rở một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

#### 34. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.

#### 35. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tính mạnh mẽ và kiên cường, Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tổ chất thể lực.

#### 36. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY AEROBIC (3 tín chỉ)

Aerobic là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung học phần bao gồm: Lý thuyết Aerobic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, học phần còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

##### 37.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

##### 37.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu, củng cố và nắm bắt một số nguyên lý kỹ chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết, củng cố lại phương pháp trọng tài, hiểu

và biết phân tích các kỹ thuật bóng đá cơ bản và phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức thi đấu một giải bóng đá. Củng cố và cập nhật những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: củng cố các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá

### 37.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên và Củng cố và HT, Củng cố và HT, nắm bắt một số nguyên lý kỹ-chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết: hiểu được khái niệm, nguyên lý chiến thuật và biết phân tích chiến thuật. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về học phần và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: Củng cố và HT và Củng cố và HT các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

### 37.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên hoàn thiện và củng cố về các kỹ-chiến thuật thực hành từ cơ bản đến nâng cao. Về lý thuyết: người học sẽ nắm được về cách lập tiến trình giảng dạy, kế hoạch huấn luyện, biên soạn giáo án và công tác nghiên cứu khoa học trong môn bóng đá. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về học phần và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá. Về thực hành: Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

### 38.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát bóng, Chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

### 38.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 2, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 3, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 4 và kỹ thuật đập bóng ở sau vạch 3 mét; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

### 38.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật phòng thủ 6 tiến, kỹ thuật phòng thủ 6 lùi và kỹ thuật chắn bóng ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

### 38.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật chắn bóng 2,3 người và chiến thuật trong thi đấu ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

### 39.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý kỹ thuật; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

### 39.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

### 39.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Học phần Thể thao chuyên sâu bóng chuyền cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật Bóng chuyền.

Học phần trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật và kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

### 39.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp giảng dạy, một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

### 40.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Bóng bàn thuộc môn Thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn Bóng bàn. phương pháp giảng dạy, nguyên lý chung về đánh bóng, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng bàn và thực hiện được các kỹ thuật một cách thành thạo. Đồng thời chuẩn bị thể lực chung cho sinh viên trong quá trình học tập.

### 40.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.

### 40.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bn (phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài). Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn. Ngoài ra còn chuẩn bị một nền tảng thể lực vững chắc, đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh sau này.

#### 40.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.

#### 41.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

#### 41.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

#### 41.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

#### 41.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

#### 42.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật có nhiều giá trị giáo dục, văn hóa thể chất, nhân văn thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và

giáo dục thể chất bằng tinh thần thượng võ của võ thuật và cho phép giảng dạy cho đối tượng học sinh.

#### 42.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật môn võ thuật. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục bằng võ thuật cho các đối tượng học sinh.

#### 42.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh

#### 42.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.

#### 43.1 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐÁ CẦU (2 tín chỉ)

Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước Việt Nam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trình phát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triển rất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược ... ở đâu môn đá cầu cũng được ưa chuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.

#### 43.2 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BƠI LỘI (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách

phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

#### 43.3 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY KHIÊU VŨ THỂ THAO (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha nổi tiếng – Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đôi tay, kéo và lẳng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong học phần này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của Sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường...

#### 43.4 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỜ VUA (2 tín chỉ)

Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống cho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.

#### 44. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những hiểu biết về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kỹ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình dạy học, giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động sư phạm, gắn lý luận với thực tiễn... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghiệp

vụ cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lý tình huống sư phạm...

#### 45. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống những kiến thức và tổ chức thực hành rèn những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học trong nhà trường, bao gồm kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học, kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp học, kỹ năng kiểm tra đánh giá học sinh. Đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành thuyết trình, viết bảng, xây dựng môi trường học tập. Góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, như: yêu trẻ, yêu nghề, sự linh hoạt, sáng tạo và kỷ luật trong tổ chức hoạt động dạy học,...

#### 46. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm gắn lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

#### 47. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết Tâm lý - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Ngữ văn, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

#### 48A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

#### 48B.1 LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy ... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao

#### 48B.2 SINH LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)



Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TĐTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TĐTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

#### 5.2.5. Đề cương chi tiết học phần

(Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần)

### 6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

#### 6.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động, gồm:

+ Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp sinh viên trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - pair - share): Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói

ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

+ Phương pháp đóng vai (Role playing) là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp đóng vai có những ưu điểm: sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho sinh viên; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của sinh viên, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lí. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như tư duy suy xét, phản biện (critical thinking), làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kỹ năng sống.

## 6.2. Đánh giá kết quả đào tạo

### 6.2.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kì và đánh giá kết thúc học phần.

#### 6.2.1.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric tùy thuộc vào các học phần lí thuyết hay học phần có thực hành/dự án.

#### 6.2.1.2. Đánh giá hồ sơ học phần

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

#### 6.2.1.3. Đánh giá theo hình thức vấn đáp

Đánh giá theo hình thức vấn đáp là một trong những hình thức kiểm tra đánh giá được sử dụng trước, trong và sau giờ giảng để kiểm tra tri thức sinh viên đạt được một cách nhanh gọn, kịp thời để có thể bổ sung củng cố tri thức ngay nếu cần thiết. Hoặc được áp dụng trong quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên dưới hình thức sinh viên bốc thăm câu hỏi hoặc giảng viên đặt câu hỏi, sinh viên trả lời trực tiếp. Nó cũng giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của mình thông qua vấn đáp. Tùy theo mục đích đánh giá mà sử dụng các hình thức vấn đáp khác nhau.

#### 6.2.1.4. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

#### 6.2.1.5. Đánh giá theo hình thức tự luận

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

#### 6.2.1.6. Đánh giá theo hình thức thực hành

Sinh viên phải thực hiện các thao tác hoặc bài thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric.

#### 6.2.1.7. Đánh giá viết báo cáo

Sinh viên được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric.

#### 6.2.1.8. Đánh giá thuyết trình

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong Bảng Rubric.

### 6.2.2. Đánh giá kết quả học tập

#### 6.2.2.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

### 6.2.2.2. Điểm đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng.

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá hồ sơ học phần Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập,... Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	10%
1.3. Đánh giá giữa kì Nếu số tín chỉ lí thuyết $\leq 3$ thì tổ chức 1 lần kiểm tra. Nếu số tín chỉ lí thuyết $\geq 4$ thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần Học phần chỉ có lí thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án: điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	60%
3. Công thức tính điểm học phần	
3.1. Học phần chỉ có lí thuyết Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.1 + a_3 \times 0.2 + a_4 \times 0.6$ Trong đó, a: điểm học phần; a <sub>1</sub> : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a <sub>2</sub> : điểm đánh giá hồ sơ học phần; a <sub>3</sub> : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a <sub>4</sub> : điểm đánh giá thi kết thúc học phần.	
3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.	
3.3. Học phần bao gồm cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.1 + a_3 \times 0.2 + (a_4 * m + a_5 * n) \times 0.6 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a <sub>1</sub> : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a <sub>2</sub> : điểm đánh giá hồ sơ học phần; a <sub>3</sub> : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a <sub>4</sub> : điểm đánh giá thi kết thúc phần lí thuyết; a <sub>5</sub> : điểm trung	

bình công của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

### 3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a<sub>1</sub>: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a<sub>2</sub>: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

## 7. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình Giáo dục thể chất trình độ đại học gồm 21 Tiến sĩ, 26 Thạc sĩ. Trong đó có:

- 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
- 05 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;
- 15 Tiến sĩ và 26 Thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Giáo dục thể chất.

## 8. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Giáo dục thể chất. Trong đó bao gồm:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyên: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

Đề đào tạo ngành Giáo dục thể chất, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với 427 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

**KHOA ĐÀO TẠO**

**TS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Tạ Thị Thúy Ngân**